

Số: 113/2026/QĐST-HNGĐ

Thái Nguyên, ngày 06 tháng 5 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 131/2026/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2026 giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Lao Thị T, sinh năm 1990;

Trú tại: Xóm T, xã D, tỉnh Thái Nguyên.

**Bị đơn:** Anh Lê Quý T1, sinh năm 1986;

Trú tại: Xóm T, xã D, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội ban hành Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Lao Thị T và anh Lê

Quý T1.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Lao Thị T và anh Lê Quý T1 nhất trí thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Chị Lao Thị T và anh Lê Quý T1 thoả thuận giao cho anh T1 được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Tuấn A sinh ngày 14/9/2009 và cháu Lê Bảo N sinh ngày 08/3/2014 đến khi cháu A và cháu N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị T và anh T1 tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quyền đi lại thăm con chung:** Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị T tự nguyện nộp 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách nhà nước được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng. Hoàn trả chị T 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 - Thái Nguyên theo biên lai số 0001476 ngày 10 tháng 4 năm 2026.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh TN;
- VKSND khu vực 5 - Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh TN;
- UBND xã Dân Tiến, tỉnh Thái Nguyên;
- Phòng THADS KV5-TN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Thị Huyền**

